

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 577/2025/TLPT-DS ngày 17/12/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2025/DS - ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk bị kháng cáo của bị đơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L -Chức vụ: Giám đốc Trung tâm T1 nợ pháp lý V1.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: 3 N, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ cũ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk), (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị H -Luật sư thuộc Văn phòng L1 - Đoàn luật sư tỉnh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: A P, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1) là ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 bà Nguyễn Thị Kim D1 đã vay vốn của V1 theo hợp đồng tín dụng số thẻ là 35-P-002308 với số tiền là 40.000.000 đồng với thời hạn là 60 tháng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023 bà Nguyễn Thị Kim D1 đã vay vốn của ngân hàng V1 theo hợp đồng tín dụng số LD2327802459 với số tiền theo hạn mức là 68.200.000 đồng với thời hạn là 60 tháng mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Kim D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng V1 nên đã chuyển toàn bộ khoản vay trên sang nợ quá hạn, tạm tính đến ngày 06/6/2025 bà Nguyễn Thị Kim D1 còn nợ V1 là: Nợ gốc khoản vay 63.049.962 đồng; Nợ lãi khoản vay 18.290.869 đồng; Nợ thẻ tín dụng 63.890.167 đồng. Tổng cộng 145.230.962 đồng.

Vì vậy, ngân hàng V1 kính đề nghị Tòa án giải quyết với nội dung như sau: Tuyên buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 phải thanh toán cho ngân hàng V1 toàn bộ số tiền nợ gốc nợ lãi theo các hợp đồng trên tạm tính đến ngày 06/6/2025 số tiền 145.230.962 đồng, trong đó: Nợ gốc khoản vay 63.049.801 đồng; Nợ lãi khoản vay 18.290.869 đồng; Nợ thẻ tín dụng 63.890.167 đồng;

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim D1 phải trả toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 30/9/2025 bao gồm các khoản như sau: Đối với hợp đồng tín dụng số LD2327802459 còn nợ tổng số tiền 96.949.545 đồng, trong đó: Nợ gốc: 63.049.801 đồng; Nợ lãi: 33.899.744 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 1.589.867 đồng; Lãi quá hạn là 32.309.877 đồng); Đối với nợ thẻ tín dụng số 35-P-002308 còn nợ tổng số tiền 71.514.564 đồng, trong đó: Nợ gốc: 29.995.348 đồng; Nợ lãi: 41.519.348 đồng;

Buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

2. Trong bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 trình bày:

Tôi xác nhận rằng trước đây tôi có vay tiền của V2 nhưng tôi không rõ hiện nay còn nợ lại bao nhiêu vì tôi cũng có trả tiền cho ngân hàng nhiều lần. Vào thời

điểm vay nhân viên ngân hàng không tư vấn cho tôi về hợp đồng vay, không tư vấn về lãi suất vay cũng như lãi suất phạt hợp đồng nên tôi không nắm rõ chi tiết. Nhân viên ngân hàng chỉ yêu cầu tôi cung cấp CCCD để làm thủ tục, vì tin tưởng ngân hàng và tin tưởng cả người nhân viên đó nên tôi mới đồng ý.

Tôi đã có đơn đề nghị V2 có văn bản chi tiết làm rõ căn cứ tính tiền nợ gốc và tiền lãi, mức lãi suất của từng loại hợp đồng và lãi phạt tương ứng. Tuy nhiên, Ngân hàng chưa làm rõ được nội dung này. Nhận thấy lãi suất mà Ngân hàng áp dụng để tính lãi cho tôi là quá cao theo quy định nên việc Ngân hàng khởi kiện buộc tôi phải trả số tiền gốc và lãi là 145.230.962 đồng là không đúng. Do đó, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2025/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 317, Điều 318, Điều 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 là:

- Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LD2327802459 ngày 05 tháng 10 năm 2023, số nợ phải trả là 96.949.545 đồng, trong đó: Nợ gốc: 63.049.801 đồng; Nợ lãi: 33.899.744 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 1.589.867 đồng; Lãi quá hạn là 32.309.877 đồng).

- Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số thẻ là 35-P-002308, số nợ phải trả là 71.514.698 đồng, trong đó: Nợ gốc: 29.995.350 đồng, Nợ lãi: 41.519.348 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà Nguyễn Thị Kim D1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Về kháng cáo:**

Ngày 31 tháng 10 năm 2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 kháng cáo Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời không buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi suất đối với khoản tiền vay cho nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

- Tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và có ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

*** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim D1 là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Ngày 29 tháng 9 năm 2023, bà Nguyễn Thị Kim D1 có vay tiền của Ngân hàng V1 theo hợp đồng tín dụng số thẻ là 35-P-002308 với số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn là 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; Tiếp đến ngày 05/10/2023, bị đơn có ký hợp đồng tín dụng số LD2327802459 với Ngân hàng V2 số tiền vay theo hạn mức là 68.200.000 đồng với thời hạn là 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và phát hành thẻ tín dụng thì nguyên đơn đã thực hiện hợp đồng và cấp tín dụng, giải ngân cho bị đơn số tiền 68.200.000 đồng và thẻ tín dụng với số tiền là 40.000.000 đồng.

Sau khi vay, bị đơn không trả được số tiền nợ gốc và lãi theo thoả thuận và còn nợ:

- Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LD2327802459 ngày 05 tháng 10 năm 2023, số nợ gốc đã trả 5.150.199 đồng; Nợ lãi là 14.351.844 đồng;

Còn nợ Ngân hàng số tiền 96.949.545 đồng, trong đó nợ gốc là 63.049.801 đồng và nợ lãi là 33.899.744 đồng (cụ thể trong đó lãi trong hạn là 1.589.867 đồng, lãi quá hạn là 32.309.877 đồng).

- Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số thẻ là 35-P-002308, số nợ gốc đã trả là 16.138.050 đồng, nợ lãi đã trả là 5.792.053 đồng, phí đã trả 527.700 đồng. Còn nợ Ngân hàng số tiền 71.514.698 đồng, trong đó nợ gốc là 29.995.350 đồng và nợ lãi là 41.519.348 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim D1 thừa nhận có vay 02 khoản tiền của Ngân hàng TMCP V2 như đã nêu trên. Tuy nhiên, bà D1 cho rằng số tiền lãi suất nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là quá cao nên không đồng ý trả lãi suất, thì thấy Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và phát hành Thẻ tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng N nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật". Theo hợp đồng tín dụng thì lãi suất cho vay là 29%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn trên số nợ gốc thực tế chưa thanh toán. Xét việc thỏa thuận về lãi suất giữa Ngân hàng và khách hàng trong hợp đồng trên không trái với quy định của , cũng như quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng, do đó đã có hiệu lực nên việc bà D1 kháng cáo cho rằng Ngân hàng cho vay với lãi suất quá cao là không có cơ sở.

Bị đơn cho rằng đã trả nhiều lần đối với khoản tiền nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, tuy nhiên không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà D1 nên giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1;

- Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Căn cứ các Điều 317, Điều 318, Điều 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; và căn cứ khoản 2 Điều 26 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD2327802459 ngày 05 tháng 10 năm 2023, số nợ phải trả là 96.949.545 đồng (Trong đó, nợ gốc là 63.049.801 đồng và nợ lãi trong hạn, quá hạn là 33.899.744 đồng).

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số thẻ là 35-P-002308 ngày 29 tháng 9 năm 2023, số nợ phải trả là 71.514.698 đồng (Trong đó nợ gốc là 29.995.350 đồng và nợ lãi là 41.519.348 đồng).

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà Nguyễn Thị Kim D1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3]. Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu 8.423.205 đồng (Tám triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn hai trăm lẻ năm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 3.631.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi một ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003437 ngày 22/7/2025.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Kim D1 đã nộp theo Biên lai thu số 0004132 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- Các đương sự;
-;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr